

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CỦA CÔNG TY PT. FREEPORT INDONESIA ĐỐI VỚI PHONG TRÀO LY KHAI Ở TÂY PAPUA - INĐÔNÊXIA

HỒ THỊ THÀNH*

Trong nhiều thập kỷ nay, Tây Papua (hay còn gọi là Irian Raya) vẫn là một trong những điểm nóng ly khai ở Inđônêxia, đặc biệt là từ sau khi chế độ Suharto sụp đổ năm 1998. Phong trào ly khai này bắt đầu từ những năm đầu của thập kỷ 60 - thế kỷ XX sau khi Hiệp ước New York giữa Hà Lan và Inđônêxia được ký kết để thoả thuận việc Hà Lan sẽ chuyển giao chính quyền ở Tây Papua cho Liên hợp quốc và sau đó cho Inđônêxia.

Vào năm 1945 khi Inđônêxia tuyên bố độc lập, Tây Papua vẫn là một lãnh thổ thuộc địa của Hà Lan. Sau độc lập, chính phủ Inđônêxia yêu cầu Hà Lan phải trao trả Tây Papua cho Inđônêxia vì cho rằng tất cả những thuộc địa mà Hà Lan chiếm giữ phải thuộc về Cộng hoà Inđônêxia. Tuy nhiên, Hà Lan bác bỏ yêu sách này và từng bước chuẩn bị việc xây dựng một quốc gia tự trị cho người Papua.

Trước tình hình đó, chính phủ Inđônêxia tuyên bố sẽ chiếm lấy Tây Papua. Do sức ép của Mỹ ủng hộ cho Inđônêxia để đổi lấy những lợi ích chính trị khác, Hà Lan cuối cùng phải đồng ý ký Hiệp ước New York năm 1962 để trao lại Tây Papua cho Chính quyền hành pháp lâm thời của Liên hợp quốc (UNTEA) từ ngày 1-10-1962 đến ngày 1-5-1963, sau đó UNTEA sẽ trao lại quyền quản lý Tây Papua cho Inđônêxia. Hiệp ước cũng quy định sau 6 năm tiếp quản Tây Papua (1963-1969), Inđônêxia sẽ phải tiến hành một cuộc trưng cầu dân ý tại Tây Papua để người dân Papua tự quyết định là sáp nhập với Inđônêxia hay thành lập một quốc gia riêng độc lập.

Năm 1969, cuộc trưng cầu dân ý (Penentuan Pendapat Rakyat - PEPERA) về tương lai của Tây Papua đã được tổ chức. Kết quả cuộc trưng cầu theo tuyên

* Ths. Hồ Thị Thành, Trường Đại học KHXH và NV Hà Nội

bố của chính quyền Indônêxia là các cử tri Papua đồng tình với việc Tây Papua sát nhập vào Indônêxia. Liên hợp quốc cũng công nhận kết quả này. Trên cơ sở đó, Tây Papua từ đây chính thức trở thành một bộ phận lãnh thổ của Indônêxia.

Sự sát nhập Tây Papua vào Indônêxia một cách cưỡng bức như theo quan điểm của người dân Papua chính là nguyên nhân chủ yếu nhất dẫn tới phong trào đấu tranh của người Papua chống lại chính phủ Indônêxia. Thêm vào đó, chính sách đàn áp của chính quyền quân sự Suharto đối với những người dân tham gia phong trào càng khắc sâu hơn tư tưởng đấu tranh ly khai thành lập một quốc gia riêng của họ. Trong điều kiện như thế, sự có mặt của Công ty khai thác khoáng sản PT. Freeport Indonesi (PTFI) như một sự "đổ thêm dầu vào lửa" khiến phong trào ly khai Papua ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn, nhất là từ sau khi chính quyền quân sự Suharto sụp đổ.

Năm 1967, công ty khai thác khoáng sản PT. Freeport Indonesi (PTFI) được thành lập và bắt tay vào việc thăm dò và khai thác khoáng sản. Là một công ty hợp doanh bao gồm ba thành viên: công ty Mc Mo Ran Cooper & Gold Inc, công ty PT. Indocopper Investama Corporation và chính phủ Indônêxia (trong đó Mc Mo Ran Cooper & Gold Inc là một công ty khai thác khoáng sản của Mỹ đóng góp cổ phần chính), mục đích của PTFI là khai thác các loại khoáng sản quý hiếm như vàng, bạc và đồng trên địa bàn tỉnh Tây Papua. Trong 40 năm đầu tư hoạt động ở Tây Papua (từ năm 1967 đến nay), PTFI đã

mang lại một số lợi ích phát triển nhất định cho Tây Papua như xây dựng cơ sở hạ tầng (bao gồm sân bay, cảng biển, đường xá, hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc, bệnh viện, trạm y tế, trường học...); thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, dịch vụ giao thông vận tải, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khai thác khoáng sản; tạo cơ sở thu hút thêm các công ty nước ngoài khác đến đầu tư; tạo thêm việc làm cho một bộ phận người lao động bản địa, hỗ trợ người dân phát triển kinh tế theo cách thức làm ăn mới... Nhìn chung, PTFI góp phần mang lại sự thay đổi diện mạo đáng kể cho Tây Papua và đóng vai trò khá quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá khu vực. Tuy nhiên, bên cạnh đó thì PTFI cũng gây nên rất nhiều tác động tiêu cực đối với Tây Papua mà đây chính là yếu tố thúc đẩy phong trào ly khai ở Tây Papua phát triển.

1. Tác động đối với đời sống kinh tế và môi trường

Tác động tiêu cực đầu tiên của PTFI đối với đời sống kinh tế của người dân bản địa là việc công ty này đã lấy đất đai sinh sống và canh tác của người dân bản địa để khai thác khoáng sản. Từ năm 1967, khi PTFI bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản ở Ertberg, người dân bản địa Amungme (một trong các dân tộc Papua) sống ở vùng này phản đối quyết liệt vì cho rằng khu vực này là đất đai sở hữu của họ do tổ tiên để lại. Sự phản đối này cũng xảy ra ở nhiều vùng khác dẫn

đến việc công ty phải ký thoả thuận với người dân địa phương về các khu vực mà công ty sẽ khai thác. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, công ty đã nhiều lần xâm phạm sang các địa giới khác gây nên các cuộc xung đột giữa nhân viên với người dân địa phương.

Ngoài mâu thuẫn vì bị xâm phạm đất đai, người bản địa ở Tây Papua còn lo ngại khi thấy nguồn tài nguyên khoáng sản quý giá trong đất đai của họ đã và đang bị PTFI ra sức khai thác và chiếm đoạt. Tây Papua là nơi có những mỏ đồng, vàng và bạc lớn trên thế giới. Sự khai thác các mỏ khoáng sản này suốt ngày đêm không ngừng nghỉ của PTFI khiến người dân không khỏi xót xa vì sự chảy máu tài nguyên trên lãnh thổ của họ. Trong khi đó, phần lớn nguồn lợi nhuận từ việc khai thác này thuộc về các công ty tham gia và chính phủ Indônêxia, còn một phần nhỏ mới dành cho việc xây dựng và phát triển Papua. Theo số liệu điều tra của một nhà nghiên cứu Indônêxia đưa ra thì khoảng 30% nguồn lợi nhuận khai thác khoáng sản được dành cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cải thiện cuộc sống người dân, và khoảng 70% thuộc về PTFI và chính phủ (Cahyo Pamungkas, 2005, 10), còn theo ước tính của những người dân bản địa Papua mà chúng tôi trao đổi thì họ cho rằng khoảng 90% lợi nhuận của việc khai thác khoáng sản thuộc về PTFI. Như vậy, dù theo số liệu nào thì cũng cho thấy người dân Papua chưa được hưởng xứng đáng nguồn tài nguyên vốn nằm trên lãnh thổ cư trú của họ.

Bên cạnh các vấn đề đó, người dân bản

địa Papua còn phản ứng gay gắt với PTFI về vấn đề ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây nên. Để lấy được quặng, 95% lượng bùn đất từ đất quặng phải bị lọc bỏ ra ngoài. Ví dụ nếu như năm 2000, mỗi ngày PTFI lấy lên 200.000 tấn đất quặng, thì phải thải ra môi trường khoảng 190.000 tấn bùn đất nhiễm bẩn (Ngadisah, 2003, 90). ở khu vực khai thác trên núi Rumpit, các chất thải này khi đổ xuống chân núi và dòng sông Aykwa gần đó không chỉ gây ô nhiễm đối với các vùng đất và sông xung quanh khu vực, mà còn với cả đất đai và môi trường ở ven sông và vùng hạ nguồn khi các chất thải này theo dòng chảy lắng đọng ở các vùng đất thấp.

Người Amungme (sống ở vùng đất cao) và người Kamoro (sống ở vùng đất thấp) quanh khu vực khai thác quặng thuộc huyện Mimika là những dân tộc chịu ảnh hưởng lớn nhất từ sự ô nhiễm này. Do dòng sông Aykwa ở khu vực người Amungme sinh sống bị ô nhiễm bởi chất thải từ các quặng đồng trên núi Rumpit nên các loài thủy sản - một trong những nguồn thức ăn quan trọng của người dân đang dần bị tiêu diệt. Hơn thế nữa, nhiều người dân sống gần khu vực khai thác quặng còn bị mắc một số loại bệnh mà trước đây hầu như họ không mắc phải. Còn đối với người Kamoro, cuộc sống của họ cũng ngày một trở nên khó khăn hơn khi các cánh rừng nguyên sinh, rừng cọ và các dòng sông quanh khu vực sinh sống bị ô nhiễm và bị phá huỷ. Trước đây, họ thường sử dụng bột cọ làm thức ăn và lá cọ lợp mái nhà; hái rau xanh, hoa quả, săn bắn chim thú, lấy được liệu từ rừng để

chữa bệnh, lấy gỗ trong rừng để làm nhà, đánh bắt thủy sản và đi lại trên các dòng sông. Khi môi trường bị phá hủy, lối sống truyền thống của người Kamoro cũng bị đảo lộn. Trong khi đó, họ lại chưa thể thích nghi với những thay đổi về phương thức kiếm sống, làm việc mới.

2. Tác động về văn hoá, xã hội và chính trị

Về mặt văn hoá, xã hội và chính trị ở Tây Papua, hoạt động khai thác khoáng sản của PTFI cũng gây nên những tác động tiêu cực lớn, trong đó trước hết là vấn đề xâm phạm văn hoá bản địa của người Papua.

Đất đai vốn có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của người Papua bản địa. Đối với họ, ngoài ý nghĩa là nguồn tài nguyên để sinh sống, canh tác, đất đai quan trọng hơn còn là tài sản thiêng liêng của tổ tiên để lại. Vì vậy, việc PTFI không xin phép người Papua trước mà tùy tiện sử dụng lãnh thổ của họ để khai thác khoáng sản là một sự xâm phạm tới truyền thống và lòng tự tôn của người Papua. Do đó người Papua cũng không đồng ý với những đề nghị bồi thường cho việc mất đất đai từ phía PTFI vì cho rằng việc nhận bồi thường không khác gì việc thoả thuận mua bán các giá trị đạo đức của bộ tộc.

Hoạt động khai thác đồng của PTFI trên núi Rumput cũng như sự ô nhiễm đất đai và nguồn nước quanh khu vực này cũng xâm phạm nghiêm trọng tới đời sống tín ngưỡng của người Amungme. Theo quan niệm của người Amungme, đỉnh núi

Rumput là khu vực linh thiêng, nơi trú ngụ của các linh hồn tổ tiên và là đầu của đất Mẹ (Ninggok), còn các dòng sông quanh khu vực họ sinh sống là nước mắt của Mẹ bao bọc và nuôi dưỡng họ. Vì vậy việc khai thác mỏ nơi đây như một sự xúc phạm tới thần linh của người Amungme. Đây là một trong những cơ sở dẫn đến xung đột kéo dài hàng thập kỷ nay giữa cộng đồng người Amungme và PTFI.

Ngoài những tác động về văn hoá, PTFI còn tạo nên những vấn đề xã hội khác ở Tây Papua như việc tăng số lượng dân nhập cư từ đảo khác tới và tăng thêm khoảng cách mức sống trong xã hội. PTFI có mặt kéo theo nhu cầu tuyển dụng một lực lượng lao động có trình độ nhất định để phục vụ quá trình khai thác mỏ. Do đại bộ phận người Papua bản địa vẫn còn lạc hậu nên hầu hết công nhân và nhân viên PTFI đều từ các nơi khác tới, nhiều nhất là từ đảo Sulawesi và Maluku. Người lao động Papua bản địa chỉ chiếm tỷ lệ rất ít trong số này. Bên cạnh đó, hoạt động khai thác mỏ cũng thu hút một lực lượng dân cư khá lớn từ các nơi khác tới làm ăn sinh sống. Nhìn chung với kỹ năng và trình độ lao động cao hơn, những người lao động nhập cư này đều có mức thu nhập và đời sống khá hơn hẳn so với người bản địa. Quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở Tây Papua càng được đẩy mạnh thì các cộng đồng người bản địa càng trở nên cách biệt hơn với cộng đồng người nhập cư từ bên ngoài. Họ càng kém khả năng thích ứng với những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, trình độ của người lao động trong xã hội hiện đại. Do đó, sự chênh lệch mức sống giữa cộng đồng người

nhập cư và cộng đồng người bản địa cũng ngày càng cao khiến người Papua có cảm giác bị mất mát và tước đoạt. Họ trở thành những cư dân nghèo đói, lạc hậu trong khi những người nhập cư nhanh chóng phát đạt và trở thành những ông chủ mới trên vùng đất cư trú bao đời của họ.

Sự nhập cư của người dân các đảo ngoài vào Tây Papua không chỉ tạo nên sự chênh lệch về mức sống giữa cộng đồng người bản địa và cộng đồng người nhập cư mà còn gây nên những mâu thuẫn về tôn giáo và văn hoá giữa hai cộng đồng này. Người Papua chủ yếu theo đạo Cơ đốc và duy trì các tín ngưỡng bản địa, trong khi phần đông người nhập cư là những tín đồ đạo Hồi. Sự khác biệt về tôn giáo và văn hoá cùng với những mâu thuẫn về kinh tế đã gây nên nhiều cuộc xung đột giữa hai cộng đồng này, khiến tình hình Tây Papua càng trở nên mất ổn định.

Tất cả những tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác khoáng sản đối với người Papua như đã nói đến ở trên chính là những yếu tố gián tiếp tác động đến phong trào ly khai ở Tây Papua. Trên cơ sở mâu thuẫn nội tại giữa người Papua với chính quyền Indônêxia từ việc Tây Papua bị sát nhập cưỡng bức vào Indônêxia năm 1969, người dân bản địa Papua càng trở nên bất mãn với chính quyền Indônêxia do những tác động tiêu cực mà PTFI mang lại.

Chính những nổi bức xúc nói trên đã thúc bách người dân bản địa phải đấu tranh giành lại quyền sống của mình. Từ những cuộc xung đột mang tính tự phát của người dân bản địa với nhân viên PTFI

hay quân đội chính phủ, dần dần ngày càng nhiều người dân Papua tìm cách chống lại PTFI bằng cách ủng hộ và tham gia vào phong trào đấu tranh ly khai rộng lớn hơn do OPM- Tổ chức Papua tự do lãnh đạo. Sự thu hút của OPM đối với họ chính là vì tổ chức này đã đấu tranh đòi các quyền tự do và phát triển kinh tế, văn hoá, chính trị cho người Papua, chống lại sự xâm phạm và áp bức của PTFI, chính quyền và quân đội Indônêxia, đồng thời kêu gọi giải phóng Tây Papua khỏi sự phụ thuộc vào Indônêxia./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Afan Gaffar (2006), *Politik Indonesia - transisi menuju demokrasi*, Penerbit Pustaka Pelajar, Celeban Timur UH III/548 Yogyakarta 55167.
2. Dr. Benny Giay (2006), *Pembunuhan Theys, Kematian HAM di Tanah Papua*, Penerbit Galang Press, Yogyakarta; Cet.II, Mei 2006.
3. Cahyo Pamungkas (2005), "Approaches to National Minorities: Learning From Indonesia Experiences", Proposed to the Round- Table Discussion on 14th November 2005, the Institute of Bangsamoro Studies, Cotabaco City, the Philippines.
4. Clive J. Christie (2000), *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia -Hà Nội.
5. Denise Leith (2003), *The Politics of Power: Freeport in Suharto's Indonesia*, The University of Hawaii Press.
6. Dr. Ngadisah, MA (2003), *Konflik Pembangunan dan Gerakan Sosial Politik di Papua*, Penerbit Pustaka Raja, Jl. Kakap Raya 36 Minomartani Yogyakarta 55581.